

- Đại Nam thiên uyển kế đăng lược lục (Kế đăng lược lục) kí hiệu Vhv.9.
- Văn bia “Gia phổ bi ký” hiện còn tại chùa Liên Phái.
- Văn bia Cung lục cứu sinh Trịnh Thánh Tổ sự tích, bia tại chùa Hàm Long.

1. Hành trạng Tổ khai sơn trong sách Kế đăng lục

Truyền đăng tổ đời thứ bảy mươi lăm, Viện Ly Trần - chùa Liên Tông Hà Nội, Như Trừng Lâm Giác Thượng sĩ là thủy tổ khai sơn đời thứ nhất. Ngài nguyên quán tỉnh Thanh Hóa, người núi Vĩnh Sốc, họ Trịnh, tên là Thập, là con của Tấn Quang Vương, mẹ họ Vũ, bà mang thai đủ tháng thì sinh ra ngài, nhằm giờ Dậu ngày 5 tháng 5 năm Bính Tý năm Chính Hòa thứ mười bảy (1696). Trên trán ngài có sừng hình chữ nhật. Vua Hi Tông nghe thấy việc ấy, mới đem vị công chúa thứ tư của mình gả cho. Tuy ngài ở trong sự vinh hoa của phủ tía, mà lòng lại gửi ở cảnh giới giác ngộ. Khi ấy tư dinh ngài có cung thất riêng ở phường Bạch Mai, huyện Thọ Xương. Một khu ao vườn sáu mẫu, vườn sau có một gò đất, cao trừng bảy tám thước. Một hôm ngài lệnh cho quân gia đào gò đất ấy xuống dưới đáy thật sâu, tạo thành một cái như bể [1] để thả cá vàng. Bỗng nhiên thấy một ngó sen lớn, quân gia trình sự việc ấy lên ngài, ngài cho rằng đó là điềm báo xuất gia. Nhân điềm lành ngó sen ấy, mà ngài chuyển nhà thành chùa, đặt tên là Liên Tông, viện là Ly Trần, biệt lập với thôn phường, từ đây ngài dốc chí tham thiền. Một hôm Sư dâng sớ xin được bỏ tục xuất gia, và được ưng chỉ. Ngay ngày hôm ấy ngài thẳng đến chùa Long Động ở núi Yên Tử - Đông Triều, đánh lễ hòa thượng Chính Giác- Chân Nguyên. Lúc này tổ Chính Giác đã 80 tuổi, Tổ bảo ngài:

Duyên lớn xưa gặp gỡ, sao đến muộn vậy ?

Duyên thầy được gặp lúc đến sẽ đi.

Tổ Chính Giác bảo: Trùng hưng Phật Tổ trông cậy ở mình ngươi.

Từ ngày đây, Sư ngày đêm nghiên cứu Tam tạng, mọi chỗ đều thông suốt.

Một hôm, Sư đầy đủ uy nghi lên xin Tổ Chánh Giác thụ giới cụ túc.

Không lâu sau năm ngài 37 tuổi, ngài bảo chúng:

- Giờ qui tây của ta sắp đến. Ta đặc pháp nơi Hòa thượng Chân Nguyên.

Lại bảo:

Thân khổ tứ đại đâu thể giữ lâu.

Bền ngoảnh mặt về phía Tây mà an tọa.

Phó chúc cho Hòa thượng Tính Tuyền rằng:

Vốn từ không gốc

Từ không mà đến

Lại từ không mà đi

Ta vốn không đến đi

Tử sinh làm gì lụy.

Nói xong, Sư ngồi an nhiên mặt hướng về phía Tây niệm Phật rồi thị tịch. Năm ấy nhằm niên hiệu Long Đức thứ hai (1733). Đồ chúng xây tháp tô tượng thờ ngài ở ba nơi.

Bình nhật Sư khai hóa chùa Hộ Quốc ở phường An Xá tại bản huyện. Sau lại chọn được núi Dạm (Lãm Sơn) ở Quế Dương tỉnh Bắc Ninh xây dựng ngôi đại già lam chùa tên là Hàm Long. Xuống dòng chi tử Bảo Sơn đệ tử Tính Dược trụ trì chùa Liên Tông, Chi hữu Tịnh Minh Tính Nghiễn trụ trì chùa Hàm Long. Truyền xuống đời thứ 3 là Vũ Hoa tổ sư, truyền xuống đời thứ 4 là Chính Trí Tịch Dự Tổ sư, truyền đến đời thứ 5 là Chính Tâm đại sư, truyền đến đời thứ 6 là Chân Không Phổ Toán Đại sư, truyền đến đời thứ 7 là Tì khiêu Thông Vinh Đại sư, Đại sư Vinh quê quán người Nhân Kiệt, Hải Dương, đồng chân xuất gia, lúc đầu đến cầu Hòa thượng chùa Hàm Long xin xuống tóc, khi lớn cầu thụ giới cụ túc với Hòa thượng Phúc Điền, Đại sư Vinh sửa sang tu bổ các tòa Phạn vũ, môn đồ mỗi người khai hóa đạo mạch một phương. Ngài để lại bài kệ dặn dò rằng:

Tâm không cảnh lặng: vượt cõi Thánh, phàm,

Lòng sinh ý nhiễm: vạn mối rối ren.

Các pháp của trời, người hết thấy trong đó,

Ta người một thể, vốn cùng một tâm.

[caption id="attachment_15687" align="aligncenter" width="551"]

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Chua Lien Phai Va To Khai Son Qua Mot So Tu Lieu Han (ảnh: nguyên văn bản gốc trong Kế đăng lục)[/caption]

2. Hành trạng Tổ khai sơn qua văn bia Gia phổ chùa Liên Phái

Văn bia này chúng tôi chỉ trích đoạn liên quan đến Tổ khai sơn.

[illegible]

Chùa Liên Phái ở Hà Đông, xưa có hiệu là chùa Liên Tông, sáng lập từ đời vua Lê Dụ Tông, vị khai sơn đệ nhất là Cứu Sinh Thượng Sĩ họ Trịnh tên Thập, vốn là con của Trịnh Tấn Quang Vương, truyền xuống đời thứ hai là Tính Tuyền Hòa thượng, truyền xuống đời thứ ba là Bảo Sơn Tính Dược Hoà thượng, truyền xuống đời thứ tư là Từ Phong Hải Quýnh Tổ sư, truyền xuống đời thứ năm là Chân Tịch, truyền xuống đời thứ sáu là Mật Nhân Phúc Điền Hoà thượng, truyền xuống đời sau là Đầu Đà Giám Viện thực ra là đời thứ bảy. Xuống đến đời thứ tám tức thầy tôi là sơ tổ Bích Đàm, ngài họ Bùi, xã Đức Hiệp, huyện Thư Trì, tỉnh Thái Bình, Gia thế thi thư, vốn là nhà trâm anh quyền quý, giữ lòng thanh bạch, được dạy bảo. Thế sự vốn vô thường, tựa như mây nổi, để tâm nghiên cứu sắc - không, Đến tuổi thành đinh thì xuất gia với Tổ sư Xuân Dục, tham thiền vấn gốc, đến khi đủ tuổi thụ giới với Tổ Linh Quang (chùa Bà Đá), người kết bạn đồng kiến đồng hạnh với Trưởng tọa Thông Toàn, người là đời thứ tư tổ đình Linh Quang. Từ khi người nhận lời khuông đồ lãnh chúng chùa Liên Phái, tăng ni vân tập trở về đông đúc. Lại phạt cỏ gai mở đường phẳng lớn, vén mây mù mà sáng tỏ đường mê. Sửa sang chùa cảnh, tô sáng bệ sen, tổ đạo được trùng hưng, đèn thiền lại tỏa sáng, tên tuổi ngài sáng mãi, thực ra ngài là bậc trung hưng chốn tổ Liên Tông rực rỡ trở lại [...].

3. Hành trạng Tổ khai sơn qua văn bia Cung lục cứu sinh Trịnh Thánh Tổ sự tích chùa Hàm Long

Bài văn bia này đã được tác giả Nguyễn Quang Khải in trong sách Chùa Hàm Long. Tuy nhiên, bài văn bia có nhiều chỗ tác giả đã dịch thiếu. Phần văn tế cũng chưa có trong bản dịch. Vì vậy, chúng tôi xin cung cấp thêm bản chữ Hán và dịch lại để làm tư liệu tham khảo cho hội thảo.

Nguyên văn chữ Hán

còn ở phường Yên Xá đã xây chùa Hộ Quốc, lại đúc tượng Minh Không, kính cẩn rước về chùa Chúc Thánh núi Phả Lại để phụng thờ.

Năm Bính Ngọ ngài định liệu xin xuất gia, lên núi Yên Tử chùa Long Động đánh lễ Hòa thượng Chánh Giác Chân Nguyên pháp danh Tuệ Đăng của phái Trúc Lâm tha thiết thỉnh cầu để được tế độ, hai vị Hòa thượng (Tổ Chân Nguyên và Thượng) cùng trò chuyện với nhau [Hòa thượng Chân Nguyên] cho rằng ngài đã chốn ngộ và lòng đã hiểu về bảo khí, bèn chọn ngày 11 tháng 5, giờ Canh Tí ngài được truyền tâm ấn, đặt tên là Như Như, khi tám chữ đã thông suốt (ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm - Không dựa vào đâu để thấy tâm Phật), lại được nhận một đóa hoa sen, mới thấm nhuần Phật pháp, nhân đó mà hiểu được sâu sắc, ngài bái biệt Hòa thượng trở về kinh, quỳ tâu rõ nguyên căn mà xuống tóc.

Chúa thượng không đồng ý, Hòa thượng nhất quyết từ chối, bẻ đai thắt lưng, treo mũ, khoác áo thâm mà xuống tóc. Chúa thượng cả giận la hét như sấm dậy, [mặc dù vậy] ngài (không giận) một lòng cũng hoan hỷ, phu nhân tể tướng (bà nội của Trịnh Thập) nói: đây là phép tu thân, không ngờ thánh thượng tức giận, cũng vì vậy mà ngay cả ta cũng sợ hãi, ngài nói: đứa cháu ngu si này lúc sống chỉ để ở ngoài thân. Cho nên xem việc sống chết như bốn việc lớn, như cởi bỏ được đôi dày rách vậy. Mà chúa thượng sai quan đón về bản doanh, ngài lại xin rời khỏi quân ngũ bàn giao lại trích lục sổ sách cho chùa thượng, chúa thượng mới đồng ý, ban cho mỗi năm mùa đông, mùa hè hơn 300 sào tiền, hơn 700 bát gạo để cúng làm nhu yếu phẩm, ngài cảm ơn và tự nghĩ mình không có công lao, coi đó làm điều may mắn, bèn xin xây chùa ở trong dinh của mình, lúc [đào xuống] có một bông hoa sen đã hóa sinh ứng với việc điểm lành trong lòng Phật, vì vậy mà trên biển ngạch đề “Liên Tông tự - chùa Liên Tông”, lại gọi là Ly Trần viện. Lúc ngài mới xuất gia ngài thực hành thập giới, thường tâm niệm làm những điều từ bi, không làm điều ác, lại quyết tâm thực hành về ngũ giới cho những người tại gia để làm sáng tỏ những điều nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Việc tìm hiểu cũng không thấy mơ hồ.

Mùa Hạ an cư năm Mậu Thân (1728), ngài hướng về phía Tây phát tâm viết kinh “Thập nguyện cứu sinh” liền lấy máu viết ra để tụng trì. Đến khi xét thấy đã đến kỳ hóa độ, công quả đã viên mãn, thật là vị Bồ tát cứu sinh. Lúc này mọi người nghe tên ngài không ai không tôn kính, đệ tử theo ngài ngày càng đông, ngài lại vân du chùa Vạn Phúc trên núi Phật Tích, ngài được pháp tích Cà Sa của Tổ sư, vì vậy mà kết cỏ làm am dưới chân mạch núi cạnh chùa. Dụng am tọa phúc đức hương diên niên, hợp với quả Khiêm[6] nên gọi là: Huy Khiêm am, và cũng có đề vịnh một thiên thơ rằng, sơ lược rằng: ta yêu cái gì, yêu mỗi sự khiêm nhường, nơi sâu sắc, thật là âm, thật là mùi, thật là núi đất khiêm, Hòa thượng lấy thập nguyện bền chắc như kim cương của Bồ tát. Cho nên lưu giữ

được thể mà không bị hư hoại.

Ngày 15 tháng 2 năm Nhâm Tý niên hiệu Long Đức nguyên niên (1732), ngài từ núi Phật Tích trở về am Đoan Khiêm mặt hướng về phía Tây, nghiêng về bên phải sườn mà hóa. Người trong môn phái tâu lên chúa thượng. Chúa thượng cho rước di hài về Kinh sư, khắc tượng ngài theo hình thức tam tôn. Thái phi ban phát tiền cho từ mẫu của Hòa thượng và người trong môn phái dựng tháp để đặt xá lý ở hai chùa Liên Tôn và chùa Hàm Long (đã ghi chép rõ ở chỗ khác). Cũng vào ngày tháng 5 năm đó, chúa thượng ban sắc phong cho Hòa thượng là “Cao Thiên Viên Giác Hòa thượng”. Ngày nay bản tự có tháp đá, chú cứu sinh niệm cầu thì rất linh ứng.

Bài văn tế Thánh tổ ngày mất ngày 15 tháng 2. Các ruộng kính điền các nơi và lễ tiết kê khai ở trong bài văn tế.

Duy Hoàng triều hiệu là:tuế thứ.....nhị nguyệt kiến....sóc...việt thập ngũ nhật . Toàn thể trên dưới thôn trưởng, chức sắc trong họ Trịnh thôn Thái Bảo, xã Sơn Dương, tổng Sơn Nam, huyện Võ Giàng.

Trịnh Cứu Sinh vương Bồ Tát, tên húy là Thập, tự là Lâm Giác, hiệu là Như Như, Thích Trừng Trừng, Cao Thiên Viên Giác Hòa thượng Đại tuệ Thiền sư, được ban sắc phong là Cứu Sinh Thánh tổ Dực bảo trung hưng tôn thần.

Trước bàn thờ rằng: ngày đản sinh ắt là có lễ cáo. Kính nghĩ: Thánh Tổ truyền ngọc phả, xuất thân dòng dõi cành vàng, ứng với điềm tốt hoa sen, Hàm Long giữ giới, khéo làm 10 nguyện, phúc quả tròn đầy, trải qua các triều đại đều ban sắc mệnh, quy y thế giới, Cứu sinh đức rộng, ban ơn linh chú rõ rệt, tháp đá sừng sững, trước là Phật chứng, sau được dân nhớ ơn, đặt ruộng kính lễ, ghi lại sự tích vào bia đá, để dân không quên mà phụng thờ ngài.

Kính dâng Thánh phụ Tham tế Thượng tướng công, truy phong Tấn Quang Vương, thụy là Minh Độ phủ quân. Thánh mẫu là Thị Nội cung tần, còn sắc văn phong tặng Hòa thượng Vũ Thị hiệu là Diệu Bình, linh hồn cùng soi xét cảm cách.

- Ruộng cúng tam bảo: 1 thửa ruộng thu điền ở xứ Mả Đạt, 1 sào mười thước, 4 thửa liền nhau 7 sào, 2 thửa ở xứ Cây Tích 3 sào 10 thước, tổng cộng 1 mẫu 2 sào. Hạ điền 1 thửa 8 sào ở xứ Cây [], xứ ấy có 1 thửa 2 sào, tổng cộng 1 mẫu, cộng cả thu điền và hạ điền là 2 mẫu 2 sào, ruộng do chùa canh tác, hàng năm trước ngày đản sinh 3 hôm, chùa phải chuẩn bị đủ 15 nguyên giao cho các cụ trong làng để sắm sửa lễ vật , đến ngày đản sinh, dân chúng cõ trống rước lễ vật đến nhà thờ tổ để làm lễ, lễ xong kính biếu chùa và toàn dân [[]][], những

Nói xong an tọa mặt hướng về Tây niệm Phật rồi vắng. Lúc này tổ 82 tuổi[7], chúng Tăng xây tháp tượng hương đèn phụng thờ ở trong bản tự, lúc này là thời Vĩnh Hựu đời Lê.

- Sách *Thiền môn tu trì kinh chú luật nghi* cho biết “Thượng sĩ Như Như Lâm Giác là tổ đời thứ 4 của phái Lâm Tế. Như Như Lâm Giác được Chân Nguyên Chính Giác hòa thượng tổ đời thứ 3 truyền cho”.

5. Việc truyền đăng của phái Liên Tông

Việc truyền đăng của phái Liên Tông được ghi chép qua văn bia gia phả tại chùa Liên Phái và sách (TMTTKCLN) và (*Kế đăng lược lục*), (*Kế đăng lục*). Qua ghi chép của Bồ Sơn Đại Giác Thiền tự Phúc Điền Hòa thượng về việc kế đăng các đời của chùa chưa có sự thống nhất về thứ tự các đời. Tuy nhiên, có thể khẳng định Tổ khai sơn chùa Liên Phái là Như Trừng Lâm Giác Thượng sĩ. Chùa Liên Tông viện Ly Trần thuộc tỉnh Hà Nội, tổ khai sơn là Như Như Lâm Giác thượng sĩ truyền pháp phái Lâm Tế là đời thứ nhất. Trải qua các giai đoạn khác nhau việc truyền đăng của dòng Liên Tông bắt đầu từ Thượng sĩ Lâm Giác[8]. Từ chùa Liên Phái đến chùa Hàm Long và chùa Hộ Quốc. Trải qua thời gian việc truyền đăng và xây dựng thêm các chi thuộc phái Liên Tông ngày càng rục rở.

- Phái Lâm tế do Hòa thượng Chuyết Công truyền pháp phái của Lâm Tế làm đời thứ nhất, truyền xuống đời thứ 2 là Kim Cương Minh Lương Tổ sư ở chùa Phù Lãng Bắc Ninh, truyền xuống đời thứ 3 là Chân Nguyên Hòa thượng chùa Lâm Động tỉnh Hải Dương, truyền xuống đến đời thứ 4 là Như Như Lâm Giác Thượng sĩ chùa Liên Tông, Hà Nội, truyền đến đời thứ 5 là Lương quốc Hòa thượng Tính Tuyền Đỗ Đa Tổ sư, truyền đến đời thứ 6 là Hải Thụ Tổ sư chùa Tam Huyền Sùng Phúc, truyền đời thứ 7 là Ân tứ Dao điệp Tịch Tính Hòa thượng, truyền đời thứ 8 là Trí Điển Thiền sư chùa Bằng Liệt.

- Trong phần *Bản quốc lịch đại tổ sư truyền đăng nhị phái* [] đã ghi lại chi tiết tên tuổi các thiền sư kế đăng các đời theo chi phái. Từ Thượng sĩ Thủy tổ Như Như Lâm Giác.

Truyền đời thứ 2 là Bảo Sơn Tính Dục Hòa thượng

Truyền đời thứ 3 là Từ Phong Hải Quýnh Tổ sư

Truyền đời thứ 4 là Kim Sơn Tịch Truyền Thiền sư

Truyền đời thứ 5 là Tường Quang Chiếu Khoan Thiền sư

Truyền đời thứ 6 là Phổ Hiếu Thiền sư

Theo sách *Kế đăng lược lục* cho biết: Tổ khai sơn chùa Đại Bi là Tế Sinh Từ Hòa Tính Quát Hòa thượng, ngài quê Phú Lai huyện Thanh Miện, Hải Dương, 22 tuổi xuất gia và đến thỉnh lễ với Thượng sĩ ở chùa Liên Tông mong được xuất thế. Như vậy là tổ khai sơn chùa Đại Bi cũng được Thượng sĩ truyền pháp giới cho.

Kế đăng lược lục khi chép về phần truyền đăng của phái Yên Tử cũng đã cho biết:

Chân Nguyên Chính Giác Hòa thượng tổ đời thứ 3 chùa Long Động núi Yên Tử, truyền xuống đời thứ 4 là Như Trừng Thượng sĩ chùa Liên Tông, truyền xuống đời thứ 5 là Tam Huyền Môn Trạc Công Tính Tuyền Hòa thượng, truyền xuống đời thứ 6 là Từ Phong Hải Quýnh Tổ sư, truyền xuống đời thứ 7 là Kim Sơn Tịch Truyền Đại sư, truyền xuống đời thứ 8 là Tường Quang Chiếu Khoan Đại sư, truyền xuống đời thứ 9 là Hùng Vương Sơn Phổ Tính Đại sư.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Chua Lien Phai Va To Khai Son Qua Mot So Tu Lieu Han

Sự phát triển của phái Liên Tông còn truyền đăng cho Ni sư. Theo sách *Thiền môn tu trì kinh chú luật nghi* cho biết chi thứ của Tổ sư Từ Phong phái Liên Tông ở chùa Phúc Thung xã Nam Xá, Hà Nội là Đại Tì khâu ni pháp danh là Diệu Nhẫn. Từ chi thứ ở chùa Phúc Xuân đã phát triển thêm được ra rất nhiều nơi ở chùa Sài Sơn Động Tiên ở Sơn Tây, Tây Hồ Địa Linh Tự.

Ngoài ra theo ghi chép trong *Thiền môn tu trì kinh chú luật nghi* từ từ 101-102 là ghi chép truyền đăng của các chi và một số chùa truyền đăng thuộc phái Liên Tông[11]

Chùa Hộ Quốc ở Hà Nội

Chùa Đồng Văn ở Hà Nội (nay thuộc Hà Nam)

Chùa Tiêu Sơn Thiên Tâm ở Bắc Ninh

Chùa Đại Vũ Sơn Đống Cao

Chùa Hoa Lâm ở Khê Hối (Hà Nội)

Chùa Long Đọi Sơn (nay thuộc Hà Nam)

Chùa Thọ Nghi

Chùa Phù Ninh ở Bắc Ninh

Chùa Đại Giác ở Bồ Sơn tỉnh Bắc Ninh

Chùa Liên Trì Hải Hội ở phố Tràng Tiền Hà Nội

Chùa Cổ Bi

Chùa Thịnh Quang Sở

Chùa La Phù

Chùa Phật Tích

Chùa Hương Nghĩa...

Như vậy, có thể nhận thấy tông môn Liên Phái phát triển rất mạnh mẽ cả Tăng phái lẫn Ni bộ.

6. Một số tác phẩm của chùa Liên Phái và Thượng sĩ Lâm Giác

Từng nổi danh là chốn tổ khắc ván in kinh có tiếng trong lịch sử, lịch đại trụ trì, và tông môn đã có những đóng góp cụ thể cho việc ấn tống và san kinh như:

Lời tựa Dục Sư kinh xếp có 2 dị bản có đóng dấu triện đề Lâm Giác sa môn và Thích Như Như ấn: Căn cứ vào chữ Vĩnh trong niên hiệu Vĩnh Hựu, ở hai văn bản có khác nhau về tự dạng. Điều này giả thuyết có thể có 2 bộ ván khắc.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Chua Lien Phai Va To Khai Son Qua Mot So Tu Lieu Han
Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Chua Lien Phai Va To Khai Son Qua Mot So Tu Lieu Han
Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Chua Lien Phai Va To Khai Son Qua Mot So Tu Lieu Han

(ảnh: 2 văn bản kinh xếp Dục sư do tổ viết lời tựa)

1. Pháp hoa kinh xếp (Hà Nội tỉnh Thọ Xương huyện Bạch Mai phường Liên Phái tự tang bản dĩ hiểu hậu ấn)

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Chua Lien Phai Va To Khai Son Qua Mot So Tu Lieu Han

(ảnh: bộ kinh xếp Pháp Hoa tàng bản tại chùa Liên Phái)

2. Hành trì tập yếu chư nghi, mục Thập giới quốc âm, bản in tại chùa Yên Ninh Hải Dương năm Tự Đức thứ 36 (1883) do Sa môn Phổ Tiến Thanh Lịch trụ trì chùa Trăm Gian Hải Dương soạn, trong sách có in Thập giới quốc âm do Lâm Giác sa di Như Như phiên dịch.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Chua Lien Phai Va To Khai Son Qua Mot So Tu Lieu Han

3. Thủy lục chư khoa tàng bản tại chùa Hồng Phúc (Hòe Nhai), tổ đình phái Tào Động khắc lại năm Đồng Khánh thứ 2 và bản khắc tại chùa Phù Lãng núi Côn Cương tổ đình phái Lâm Tế khắc năm Thành Thái thứ 6 (1905). Trong đó tổng hợp 36 khoa, Khoa đầu Nghênh sư duyệt định khoa do Trúc Lâm Tuệ Đăng Hòa thượng Chân Nguyên điều soạn. Khoa cuối cùng trong sách Thủy lục chư khoa là Mãn tán tạ quá nghi do Lâm Giác Tang môn Như Như soạn[12].

Ngoài những kinh sách do chùa Liên Phái tàng bản và tổ chức in kinh tại chùa, thì còn có những đóng góp gián tiếp bằng tịnh tài của các cá nhân thuộc tông môn Liên Phái, đơn cử như Sa môn Thanh Bích cúng để in bộ Tập tiểu công văn yếu tập.

Qua một số tư liệu chúng ta thấy: Như Trừng Lâm Giác Thượng sĩ là con Vương cháu Chúa nhà Trịnh, Phò mã Hoàng thất vua Lê là người siêu việt, vì thế mà khi Tổ Chân Nguyên 80 tuổi đệ tử tự pháp của ngài cũng nhiều nhưng Tổ Chân Nguyên lại quyết định truyền pháp kệ cho Như Trừng Lâm Giác Thượng sĩ và phó chúc ngài là kế đăng đời thứ 6 của chùa Long Động núi Yên Tử và là đời thứ 15 của phái Lâm Tế. Trong sách Phật tổ Chân Tông Lục in vào Lê Triều Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710), pháp tử pháp tôn tự pháp của ngài Chân Nguyên đã có các đệ tử nổi pháp, trong khi Thượng sĩ chưa xuất gia. Hòa thượng Chân Nguyên mang y bát của Thiền phái Trúc Lâm lại đắc pháp với Hòa thượng Minh Lương (Tôn Nghiêm Mãn Giác Hòa thượng) – đệ tử của Chuyết Công Hòa thượng (phái Lâm Tế) cho nên Tổ Như Trừng là người kế thừa tông phái Trúc Lâm Lâm Tế.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Chua Lien Phai Va To Khai Son Qua Mot So Tu Lieu Han

(ảnh: sách Phật tổ chân tông lục)

Mặc dù từ lúc xuất gia đến khi thị tịch trong khoảng 7 năm, nhưng Tổ Trừng Lâm Giác Thượng sĩ cũng đã để lại một vài tác phẩm hiện còn lưu hành ở đời như Thập nguyện cứu sinh; Thập giới quốc âm (phiên dịch ra chữ Nôm) kinh Dược sư (viết lời tựa), khoa cúng tổ Chân Nguyên, Tì ni nhật dụng lục (khảo chứng); Chư kinh nhật tụng (hiệu chính), Từ bi thủy sám khai pháp (hiệu đính), Bát nhã Ba La Mật tâm kinh chú giải hội biên (hội biên).

Có thể nói tổ Như Trừng Lâm Giác có công lao to lớn trong việc khai sơn chùa Liên Tông viện Ly Trần nói riêng và Phật giáo nước nhà nói chung.

Thích Giác Thành *Chùa Hói – Linh Ứng, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, Hải Dương ****

[1] Nguyên văn là hạc hải: nghĩa là biển khô, biển cạn. [2] Chỗlà để trống để điền niên hiệu, năm, tháng. [3] Văn bia mờ không rõ chữ [4] Bài viết dung lượng

hơi dài nên chúng tôi xin không phiên âm Hán Việt [5] Theo sách Khâm Định Việt sử thông giám cương mục cho biết con trai Trịnh Bính là Trịnh Cương khi lên ngôi liền tiến phong cho ông nội là Vĩnh tước Lương mục vương và cha là Bính tước Tấn Quang Vương. [6] Quế Khiêm là quế thứ 15 trong kinh dịch. Trên là đất, dưới là núi. Núi cao, đất thấp, núi chịu ở dưới đất là cái tượng nhún nhường. Khiêm hạ. Vì vậy mà được hanh thông. Quế này chỉ có mỗi một hào dương, dùng nó làm chủ quế. Thoán truyện bàn thêm: Khiêm là đạo của trời, đất và người. Trời có đức khiêm vì ở trên đi xuống chỗ thấp mà sáng tỏ; đất có đức khiêm vì chịu ở dưới mà đi lên. Đạo trời, cái gì đây thì làm cho khuyết đi, cái gì thấp kém (khiêm) thì bù đắp cho (Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm). Đạo đất, đạo quĩ thân cũng vậy. Còn đạo người thì ghét kẻ đây, tức sự kiêu căng thỏa mãn, mà thích kẻ khiêm tốn (Nhân đạo ố doanh nhi hiếu khiêm). Hễ khiêm thì ở địa vị cao mà đạo càng sáng, ở địa vị thấp mà chẳng ai vượt mình được. Đại tượng truyện. Khuyên người quân tử nên bớt chồn nhiều, bù chồn ít, để cho sự vật được cân xứng, quân bình. [7] Một số văn bản khác chép là năm 80 tuổi thì Hòa thượng Chân Nguyên tịch [8] Theo tác giả Trần Việt Ngữ trong bài viết Chùa Liên Phái đăng trên tạp chí Phật Học, ... chỉ trong thời gian ngắn thiền phái Liên Tông đã phát triển rộng rãi ở miền Bắc nước ta tới 12 chi. [9] Chỗ này sách viết thiếu chữ Quế và sai trật tự, phải là Bắc Ninh Quế Dương Lâm Sơn [10] Văn bản chỗ này khắc nhầm 𡗗 thành chữ 𡗗 [11] Vì dung lượng bài viết có hạn, do đó Tên các trụ trì được truyền đăng thuộc các chi khác nhau của phái Liên Tông xin xem trong phụ lục ảnh đính kèm [12] Như vậy có thể nhận thấy nhiều khoa cúng cũng do các Sư tự biên soạn và lưu hành rộng rãi trong các chùa